

Bản án số: 155/2026/DS-ST

Ngày: 23-3-2026

*V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản và hợp đồng thuê tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sang

2/ Ông Lê Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 896/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S Có Ngay.**

Trụ sở chính: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện pháp luật là Kanokwatpaisal N- Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Phạm Văn K.** Địa chỉ liên hệ: Số H đường C tháng B, phường T, thành phố Cần Thơ (Theo Giấy ủy quyền số 1999/2025/UQ-SVN ngày 01/7/2025) – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông **Trần Hữu N1**, sinh ngày 24/12/2005. Địa chỉ: Số I khu V, phường H, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S có ngay và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/6/2025, ông Trần Hữu N1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản là 01 xe máy, loại xe Honda Vario 150cc Indo, biển số 65AA-172.46 để vay số tiền 16.117.021 đồng, với lãi suất là 1,1%/ tháng và lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn. Thời hạn cầm cố là 12 tháng. Thanh toán định kỳ hàng tháng (bao gồm tiền gốc và lãi) số tiền 1.486.828 đồng vào ngày 16 hàng tháng tính kể từ tháng 6 năm 2025 đến tháng 6 năm 2026. Cùng ngày Công ty đã giải ngân cho ông N1. Đồng thời, cùng ngày ông N1 có thuê lại xe để sử dụng và cam kết hoàn trả tài sản thuê đúng hạn và địa điểm thỏa thuận.

Tuy nhiên, quá hạn hợp đồng nhưng ông N1 không thanh toán tiền cho Công ty và Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà của ông N1 cũng không gặp.

Đối với yêu cầu ông Trần Hữu N1 trả phí thuê xe là 3.307.213 đồng, Công ty đề nghị rút lại yêu cầu này và rút lại yêu cầu xử lý tài sản cầm cố.

Do đó, Công ty cổ phần S có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hữu N1 thanh toán số tiền 16.230.968 đồng. Trong đó: tiền gốc còn nợ 14.888.065 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày 23/3/2026 là 1.342.903 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Trần Hữu N1 trả xong nợ thì Công ty sẽ trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính cho ông N1.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Về kiểm sát tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Hữu N1 trả cho Công ty cổ phần S có ngay tạm tính đến ngày 23/3/2026 tiền gốc là 14.888.065 đồng và lãi là 1.342.903 đồng và lãi suất phát sinh đến khi thanh toán xong nợ. Khi ông N1 thanh toán đủ số tiền thì nguyên đơn trả lại giấy đăng ký xe cho ông N1. Đình chỉ yêu cầu bị đơn trả phí thuê xe và yêu cầu phát mãi tài sản cầm cố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Công ty cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu ông Trần Hữu N1 trả nợ gốc và lãi còn lại theo hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền cho thuê xe nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú tại số I khu vực T, phường H, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ; theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Trần Hữu N1 luôn vắng mặt, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng*: Vào ngày 16/6/2025, Công ty cổ phần S có ngay có ký hợp đồng cầm cố tài sản với ông Trần Hữu N1, theo đó ông N1 cầm cố cho Công ty A xe mô tô biển kiểm soát 65AA-172.46 với số tiền 16.117.021 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, lãi suất cố định là 1,1%/ tháng và lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định về tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, với mức lãi suất thỏa thuận là 1,1%/ tháng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự.

[4] Công ty đã giải ngân cho ông N1 theo phiếu chi và sao kê thông tin giao dịch ngày 16/6/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K1 có thanh toán gốc số tiền 1.228.956 đồng nên tiền gốc còn lại là 14.888.065 đồng. Tiền lãi tạm tính đến ngày 23/3/2026 còn nợ là 1.342.903 đồng. Tổng số tiền còn nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày 23/3/2026 là 16.230.968 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[5] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 65AA-172.46 của ông Trần Hữu N1 khi đăng ký cầm cố với Công ty thì ông N1 có làm hợp đồng thuê lại xe ngày 16/6/2025 nên xe ông N1 đang quản lý. Công ty đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe của ông N1. Do đó, khi ông N1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty thì Công ty trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông N1.

[6] Đối với phí thuê xe theo đơn khởi kiện của Công ty yêu cầu ông N1 trả số tiền 3.307.213 đồng, Công ty xin rút lại tại phiên tòa nên cần đình chỉ yêu cầu này.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 292, 309, 310, 311, 313, 315, 316, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S có ngay.*

Buộc ông Trần Hữu N1 trả cho Công ty cổ phần S có ngay tổng số tiền 16.230.968 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ba chục ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng). Trong đó: vốn gốc là 14.888.065 đồng, lãi tạm tính đến ngày 23/3/2026 là 1.342.903 đồng.

Kể từ ngày 24/3/2026, ông N1 còn phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S có ngay về việc yêu cầu ông Trần Hữu N1 trả phí thuê xe số tiền 3.307.213 đồng.

Sau khi ông Trần Hữu N1 thanh toán xong nợ cho Công ty cổ phần S có ngay thì Công ty phải trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 65AA-172.46 cho ông Trần Hữu N1.

2/ *Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:* Ông N1 phải chịu số tiền 812.000 đồng (Tám trăm mười hai ngàn đồng).

Công ty cổ phần S có ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 471.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai số 0011134 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND KV 3- Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 3 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lo